



TÁC ĐỘNG CỦA NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG CỘNG ĐỒNG ĐẾN TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ THỰC HIỆN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ H'RÊ TẠI HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phạm Thị Hằng^{1,2*}, Nguyễn Thị Hải¹, Nguyễn Hữu Ngũ¹

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

² Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Phạm Thị Hằng <pthang.dhnl22@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 18-4-2023; Ngày chấp nhận đăng: 10-7-2023)

Tóm tắt. Nghiên cứu được thực hiện để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Ủy Ban dân tộc ban hành các chính sách và các chương trình hỗ trợ nhằm phát huy hơn nữa vai trò người có uy tín trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu được kiểm định bằng phần mềm Smart PLS 3 với 118 mẫu khảo sát. Kết quả cho thấy việc tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào dân tộc thiểu số H'rê chịu tác động rất mạnh từ vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, thể hiện thông qua mức ý nghĩa mô hình nghiên cứu đạt được là 1%. Đồng thời, hệ số β đường dẫn để đánh giá mối quan hệ từ vai trò của người có uy tín trong cộng đồng đến tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất lên đến 0,795. Hệ số đường dẫn ước lượng gần bằng +1, biểu thị các mối quan hệ cùng chiều dương mạnh mẽ.

Từ khoá: H'rê, người có uy tín, quyền sử dụng đất, tiếp cận đất đai

Impact of prestige people in public access to Land and implementation of Land-use rights of H're ethnic minorities in An Lao district, Binh Dinh province

Pham Thi Hang^{1,2*}, Nguyen Thi Hai¹, Nguyen Huu Ngu¹

¹ University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

² Quy Nhon University, 170 An Duong Vuong St., Quy Nhon City, Binh Dinh, Vietnam

* Correspondence to Pham Thi Hang <pthang.dhnl22@hueuni.edu.vn>

(Submitted: April 18, 2023; Accepted: July 10, 2023)

Abstract. The study was conducted to set the basis for the Binh Dinh Provincial People's Committee and the Ethnic Minority Committee to issue policies and support programs to further promote the role of reputable people in ethnic minority communities. The research model and hypothesis were tested by using the Smart PLS 3 software with 118 samples. The results show that the H're ethnic minority people's access to Land and exercise of Land use rights are strongly influenced by the role of reputable people in the communities, evidenced from the level of significance of 1%. At the same time, the β coefficient of the path to assess the relationship from the role of reputable people in the community to accessing Land and exercising Land-use rights is up to 0.795. An estimated path coefficient close to +1 indicates strong positive relationships.

Keywords: H're, land-use rights, land access, prestigious people

1 Đặt vấn đề

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với giải quyết các vấn đề xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) dựa trên nguyên tắc công bằng và tiến bộ xã hội đã được Đảng và Nhà nước quan tâm bằng việc ban hành nhiều chính sách ưu tiên phát triển cho đồng bào DTTS. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào thông qua đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng, “Nhà nước có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các DTTS tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tình nguyện phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân ở vùng DTTS” [1]. Qua nghiên cứu văn bản pháp luật, tham vấn ý kiến của cộng đồng DTTS và cán bộ địa chính tại địa phương, người có uy tín trong cộng đồng như già làng, trưởng bản, trưởng thôn, trưởng dòng họ v.v. đóng vai trò rất quan trọng trong việc dẫn dắt cộng đồng. Trên cơ sở sự tín nhiệm, tin tưởng và sự tôn trọng của cộng đồng, người có uy tín trong cộng đồng có khả năng “nói dân tin, làm dân theo”. Do vậy, thông qua đội ngũ người có uy tín, các chính sách pháp luật đất đai liên quan đến giao đất, cho thuê đất, quy hoạch sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, tái định cư cũng như quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất v.v. có thể được truyền tải cụ thể đến cộng đồng DTTS. Xuất phát từ lý do này, việc phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng sẽ giúp nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai và thực hiện các quyền về sử dụng đất của đồng bào DTTS.

H'ré là một nhóm đồng bào DTTS đang sinh sống tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Trong cộng đồng của họ, già làng, trưởng bản, trưởng thôn, trưởng dòng họ được xem là những người rất có uy tín. Hiện nay, số hộ đồng bào dân tộc H'ré là hộ nghèo chiếm tỉ lệ tương đối lớn, chiếm 64,4% trong tổng số hộ đồng bào dân tộc H'ré tại huyện An Lão, tương ứng với 1.887 hộ; 335 hộ thiếu đất ở và 2.872 hộ thiếu đất sản xuất hoặc không có đất sản xuất [2]. Hiện trạng này cho thấy, việc tiếp cận đất đai và thực hiện các quyền sử dụng đất để phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập và đời sống là vấn đề rất cần thiết đối với đồng bào dân tộc H'ré. Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đưa ra những luận cứ khoa học, từ đó tiếp tục bổ sung các chương trình, chính sách khuyến khích đội ngũ người có uy tín trong thôn, làng, khu phố phát huy sự tận tâm,

tận lực của mình trong việc nâng cao hiệu quả tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS.

2 Phương pháp

2.1 Thu thập tài liệu, số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các phòng, ban trong huyện; các sở, ban ngành trong tỉnh và các nghiên cứu từ trước. Cụ thể, số liệu thống kê về kết quả cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho đồng bào DTTS tại huyện An Lão giai đoạn 2015–2020 được thu thập từ Văn phòng đăng ký (VPĐK) đất đai tỉnh Bình Định, chi nhánh VPĐK đất đai huyện An Lão, và Phòng Tài nguyên môi trường (TNMT) huyện An Lão. Số liệu về danh sách công nhận người có uy tín trong đồng bào DTTS tỉnh Bình Định giai đoạn 2013–2017, chính sách cho người có uy tín trong cộng đồng được thu thập từ Phòng Dân tộc huyện An Lão, UBND huyện An Lão, Ban dân tộc tỉnh Bình Định. Thang đo ba khái niệm nghiên cứu trong mô hình đề xuất gồm vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO), tiếp cận đất đai (LA), thực hiện quyền sử dụng đất (LUR) được xây dựng trên cơ sở kế thừa các tài liệu trong và ngoài nước.

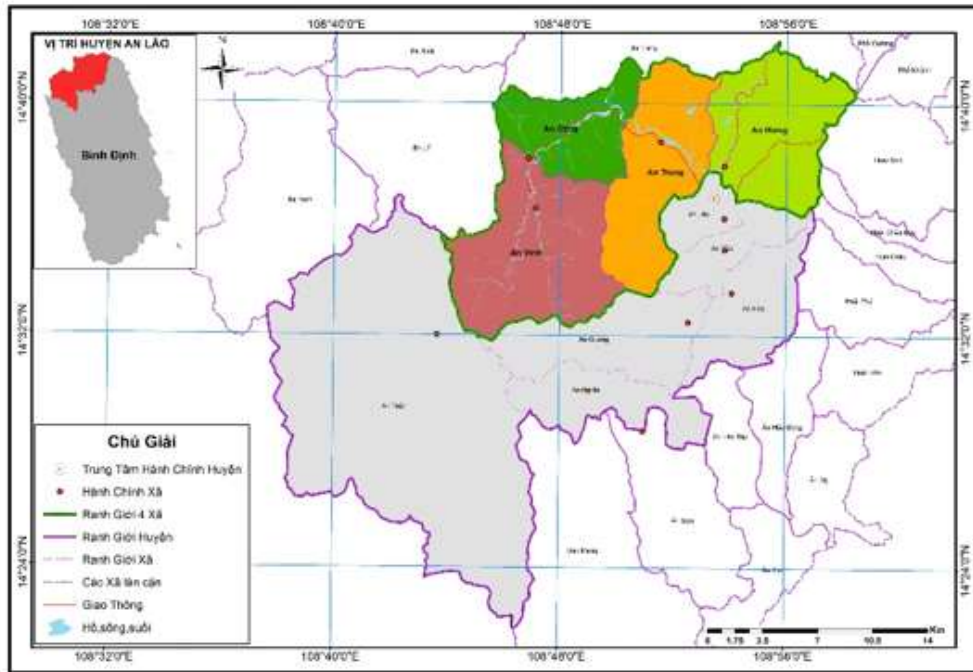
2.2 Điều tra, khảo sát thực địa

Cỡ mẫu điều tra được tính toán dựa trên công thức Slovin [3] và Holey [4]. Theo Slovin [3],

$$n = N / (1 + N \cdot e^2) \quad (1)$$

trong đó: n: Số mẫu phải điều tra; N: Tổng số cá thể (Tổng số đồng bào dân tộc H'rê tại huyện An Lão là $N = 1.230$); e: Phương sai ($e = 0,05-0,1$). Với độ chính xác $e = 0,1$, tác giả đã xác định được tổng số hộ đồng bào DTTS H'rê cần điều tra là: $n = 1.230 / (1 + 1.230 \times 0,1^2) = 93$ mẫu. Tuy nhiên, Theo Holey [4], cỡ mẫu từ 100 đến 200 thường là điểm khởi đầu tốt để phân tích mô hình SEM. Nghiên cứu này sử dụng mô hình SEM, do đó, cỡ mẫu tốt để phân tích cần đảm bảo lớn hơn 100 mẫu. Dựa trên cơ sở tính toán mẫu điều tra của Slovin [3] và Holey [4], đồng thời để đảm bảo số mẫu đủ lớn (>100 mẫu) sau khi loại bỏ những phiếu không đạt yêu cầu (nếu có), cỡ mẫu tiến hành khảo sát sẽ là 118 mẫu.

Để lựa chọn khu vực nghiên cứu có tính đại diện cho việc đánh giá vai trò người có uy tín trong tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào dân tộc H'rê, chúng tôi đã căn cứ các tiêu chí sau: (1) là khu vực có số lượng lớn đồng bào DTTS H'rê sinh sống và vẫn giữ được nhiều nét đặc thù văn hóa dân tộc, (2) là khu vực xã nghèo, khó khăn trong tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất, (3) là khu vực xã có đa dạng thành phần người có uy tín trong cộng đồng. Dựa trên các tiêu chí này, chúng tôi đã tiến hành lựa chọn bốn xã, gồm: An Vinh, An Dũng, An Trung, An Hưng để thực hiện điều tra. Tại hai xã An Vinh, An Dũng của huyện An Lão, mỗi xã mỗi xã điều tra 29 phiếu; Tại 2 xã An Trung, An Hưng, mỗi xã điều tra 30 phiếu.



Hình 1. Bản đồ vị trí, phạm vi khu vực khảo sát

Các hộ phỏng vấn được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên từ các hộ gia đình, cá nhân là đồng bào DTTS, ít nhất đã thực hiện một trong số các giao dịch liên quan đến tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất tại khu vực nghiên cứu trong giai đoạn 2015–2022.

Sử dụng thang đo Likert [5] để đánh giá mức độ đồng ý của đồng bào DTTS tham gia khảo sát đối với 3 thang đo được đưa ra. Mỗi biến quan sát trong các thang đo được thiết kế trả lời với 5 mức độ đánh giá, tương ứng với 5 điểm: 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý. Thang đánh giá chung là: Hoàn toàn không đồng ý: $m \leq 1,80$; Không đồng ý: $1,80 < m \leq 2,60$; Bình thường: $2,60 < m \leq 3,40$; Đồng ý: $3,40 < m \leq 4,20$; Hoàn toàn đồng ý: $4,20 < m \leq 5,00$ [6].

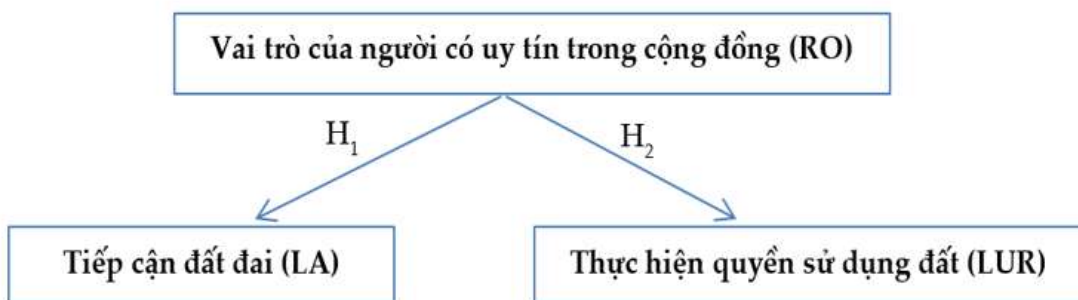
2.3 Phương pháp tham vấn người có kinh nghiệm

Chúng tôi đã tham vấn bốn cán bộ phòng TNMT huyện An Lão; ba cán bộ Chi nhánh VPĐK đất đai huyện An Lão; sáu cán bộ địa chính xã An Vinh, An Dũng, An Trung, An Hưng. Nội dung tham vấn tập trung vào thực trạng tiếp cận đất đai và thực hiện các quyền sử dụng đất của đồng bào H'ré tại địa bàn vùng nghiên cứu; tham vấn về vai trò của người có uy tín trong cộng đồng trong việc tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS. Kết quả tham vấn nhằm xác định thực tiễn tiếp cận đất đai và thực hiện các quyền sử dụng đất của đồng bào

H'ê tại địa phương. Đồng thời, kết quả này góp phần giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về sự ảnh hưởng của đội ngũ người có uy tín trong tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS.

2.4 Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, số liệu

Đối với số liệu sơ cấp thu thập được từ việc phỏng vấn đồng bào DTTS, chúng tôi đã tiến hành nhập, mã hóa vào bảng tính Excel, trước khi tiến hành phân tích thống kê bằng phần mềm SPSS 26.0 và Smart PLS 3. Đối với dữ liệu định tính, chúng tôi sẽ diễn giải các câu trả lời vào phần mềm Microsoft Word, một số sẽ được trích dẫn nguyên văn để làm bằng chứng bổ sung cho các kết quả định lượng. Dữ liệu định lượng về vai trò người có uy tín trong cộng đồng sẽ được mô tả thống kê trung bình bằng phần mềm SPSS 26.0. Việc phân tích xác định mối quan hệ và mức độ tác động của vai trò người có uy tín trong cộng đồng đến tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS được thực hiện bằng phương pháp bình quân tối thiểu một phần (PLS). SmartPLS là một phần mềm để lập mô hình phương trình cấu trúc dựa trên phương sai (SEM) bằng cách sử dụng phương pháp lập mô hình đường dẫn bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS) [7]. Vì vậy, có thể ước tính các mô hình với dữ liệu bằng cách sử dụng PLS-SEM cơ bản, PLS-SEM có trọng số (WPLS), PLS-SEM nhất quán (PLSc-SEM) và thuật toán hồi quy tổng. Phần mềm tính toán các tiêu chí đánh giá kết quả tiêu chuẩn (ví dụ: Đối với các mô hình đo lường cũng như mô hình cấu trúc, bao gồm tiêu chí HTMT, kiểm tra ý nghĩa dựa trên bootstrap, PLSpredict, hỗ trợ các phân tích thống kê bổ sung) [8]. Sử dụng phần mềm SmartPLS 3, trong nghiên cứu này, chúng tôi đã kiểm định hai giả thuyết trong mô hình nghiên cứu (chi tiết tại Hình 1). Giả thuyết H_1 : Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng (RO) có tác động cùng chiều dương đến tiếp cận đất đai (LA); Giả thuyết H_2 : Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng (RO) có tác động cùng chiều dương đến thực hiện quyền sử dụng đất (LUR).



Hình 2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3 Kết quả và thảo luận

3.1 Thực trạng tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào dân tộc thiểu số H'ré huyện An Lão, tỉnh Bình Định

An Lão là huyện miền núi, vùng cao của tỉnh Bình Định, có diện tích tự nhiên 69.660,2 ha. Toàn huyện có 10 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn, và 57 thôn. Trong đó có tám xã, thị trấn thuộc khu vực III. Huyện An Lão có 9.169 hộ và 32.446 nhân khẩu, trong đó dân tộc Kinh là 5.743 hộ với 20.350 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 62,72%; Dân tộc thiểu số là 3.263 hộ với 12.098 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 37,28%. H'ré và Bana là hai dân tộc chính tại huyện An Lão, còn các nhóm DTTS khác có 52 người, chiếm tỉ lệ 0,16%. Đồng bào DTTS trên địa bàn huyện sinh sống chủ yếu ở 9 xã, thị trấn, với 40 thôn đặc biệt khó khăn, trong đó có đến 36 thôn tập trung người H'ré sinh sống [9].

Hiện nay, tình trạng thiếu đất ở, thiếu đất sản xuất tại các vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn huyện An Lão vẫn còn diễn ra khá phổ biến [9]. Mặc dù thiếu tiếp cận đất đai, nhưng nguồn kinh phí của trung ương phân bổ cho địa phương để thực hiện các dự án giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào DTTS miền núi giai đoạn 2021–2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025 là rất thấp, hỗ trợ 7 nhà ở năm 2022, kinh phí 252 triệu đồng, không đáp ứng được nhu cầu thực tế của địa phương [9]. Theo kết quả báo cáo từ UBND huyện An Lão về tình hình thiếu đất ở, đất sản xuất của đồng bào DTTS, số hộ thiếu đất ở tại 4 xã nghiên cứu là 62 hộ chiếm 59% trong tổng số hộ thiếu đất ở tại huyện An Lão. Trong đó, số hộ thiếu đất ở tại xã An Dũng là 29 hộ, xã An Trung là 10 hộ, xã An Hưng là 19 hộ và xã An Vinh 4 hộ. Số hộ không có đất sản xuất và thiếu đất sản xuất tại 4 xã nghiên cứu là 698 hộ chiếm 63,90% tổng số hộ không có đất sản xuất và thiếu đất sản xuất tại huyện An Lão. Trong đó, số hộ không có đất sản xuất và thiếu đất sản xuất tại xã An Hưng là 63 hộ, tại xã An Trung là 255 hộ, tại xã An Dũng là 75 hộ và tại xã An Vinh là 305 hộ [10]. Có thể thấy, thực trạng tiếp cận đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS trên địa bàn huyện An Lão thông qua các chương trình chính sách tại địa phương vẫn chưa đảm bảo nhu cầu đất ở, đất sản xuất cho cộng đồng dân tộc tại địa phương.

Thực hiện các quyền sử dụng đất được xem là một trong các phương thức tiếp cận đất đai của đồng bào DTTS. Tuy nhiên, việc thực hiện các quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS trên địa bàn huyện An Lão vẫn còn nhiều bất cập liên quan đến tình trạng tự ý thực hiện các giao dịch chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế. Tại huyện An Lão, đến năm 2020 chỉ có 1.682/3.263 hộ DTTS được cấp với 34.878 GCNQSDĐ (trong đó đất ở là 3.003 giấy, đất sản xuất là 31.875 giấy), chiếm tỉ lệ 51,55% số hộ DTTS. Số GCNQSDĐ còn tồn đọng là 1.738 giấy, tập trung tại 7 xã trên địa bàn huyện An Lão, trong đó số GCNQSD tồn đọng tại 4 xã khu vực nghiên cứu là 1.026 giấy (xã An Hưng: 90 giấy, xã An Trung: 293 giấy, xã An Dũng: 364 giấy, xã An Vinh: 279 giấy), chiếm đến 59% lượng GCNQSDĐ đang tồn đọng tại địa phương. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do không phù hợp theo quy hoạch sử dụng đất và ranh giới sử dụng đất không rõ ràng [11]. Đáng chú ý, ranh giới sử dụng đất không rõ ràng chủ yếu xuất phát từ các giao dịch

không được đăng ký tại UBND xã hoặc VPĐK đất đai. Hình thức thực hiện các giao dịch là thông qua giấy tờ viết tay hoặc trao đổi bằng lời nói trực tiếp giữa hai bên. Kết quả phỏng vấn bốn cán bộ phòng TNMT huyện An Lão, ba cán bộ Chi nhánh VPĐK huyện An Lão và sáu cán bộ địa chính xã An Vinh, An Dũng, An Trung, An Hưng cho thấy, tình trạng tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế đất đai của các hộ đồng bào DTTS H' rê diễn ra khá phổ biến tại khu vực nghiên cứu. Bên cạnh những khó khăn trong việc xác định chủ sử dụng đất, cán bộ địa chính xã còn gặp khó khăn khi làm việc với đồng bào H' rê. Kết quả phỏng vấn cán bộ địa chính xã An Vinh, An Dũng, An Trung, An Hưng cho biết: “Khi phát hiện các vụ việc tự ý chuyển đổi, tự ý chuyển nhượng, tự ý tặng cho đất đai. Đồng bào H' rê trước mặt cán bộ thì nhận sai, hứa sẽ làm thủ tục. Tuy nhiên sau đó, thì rất ít người đến UBND xã hoặc VPĐK để làm thủ tục đăng ký thực hiện các quyền sử dụng đất”.

3.2 Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số H' rê tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định

Trên địa bàn huyện An Lão hiện có 40 người có uy tín trong tổng số 121 người có uy tín tại 6 huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được công nhận theo Quyết định số 4255/QĐ-UBND tỉnh Bình Định [12]. An Lão là địa phương có số lượng người có uy tín lớn nhất được công nhận so với các huyện trên địa bàn tỉnh, với thành phần rất đa dạng bao gồm thầy mo, thầy cúng, đảng viên, cán bộ hưu trí, già làng, trưởng dòng họ, trưởng tộc, thành phần khác (thầy lang, người lớn tuổi...). Đáng chú ý, những người có uy tín tại huyện An Lão đều là người dân tộc H' rê và là nam giới (chi tiết tại Bảng 1), điều này cũng cho thấy tiếng nói của nam giới và người H' rê trong thôn, làng. Toàn bộ 40 người có uy tín trong cộng đồng dân tộc H' rê không có trình độ văn hóa chuyên môn [12]. Tuy vậy, kết quả phỏng vấn điều tra 118 hộ đồng bào DTTS H' rê cho thấy, trình độ văn hóa chuyên môn không phải là cơ sở để bình chọn người có uy tín trong cộng đồng. Người có uy tín được lựa chọn là người nhận được sự tín nhiệm của dân làng dựa vào những công sức đóng góp xây dựng làng, là người hòa giải và thuyết phục được đồng bào DTTS về nhiều mặt trong đời sống xã hội. Chính vì vậy, những người có uy tín được lựa chọn đều thuộc thế hệ trước, chỉ tốt nghiệp tiểu học hoặc trung học cơ sở, không được chú trọng đào tạo chuyên môn. Độ tuổi trung bình của người có uy tín khá cao, 66 tuổi. Trong đó, người có uy tín tại thị trấn An Lão có độ tuổi trung bình lên đến 81 tuổi. Trình độ không cao nhưng độ tuổi trung bình của người có uy tín lại khá cao, đây cũng là một khó khăn trong quá trình cập nhật, tiếp cận thông tin từ người có uy tín đến với đồng bào DTTS. Mặc dù không tốt nghiệp cao đẳng, đại học, và chưa trải qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nhưng người có uy tín lại nhận được rất nhiều sự tín nhiệm từ cộng đồng dân tộc tại địa phương do những đóng góp, xây dựng thôn làng. Theo kết quả phỏng vấn 13 cán bộ tại khu vực nghiên cứu cho biết, “người có uy tín là người được cộng đồng DTTS tin tưởng, nghe và làm theo, là người được cộng đồng chia sẻ mọi mặt của đời sống xã hội và quan trọng nhất họ có khả năng tập hợp được đồng bào bằng lời nói trong một phạm vi nhất định”.

Bảng 1. Thông tin về người có uy tín trong cộng đồng trên địa bàn huyện An Lão, tỉnh Bình Định

STT	Xã, thị trấn	Giới		Dân tộc	Độ tuổi trung bình	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần người có uy tín
		Nam	Nữ				
1.	TT. An Lão	3	0	H'rê	81	0	Thầy mo, thầy cúng
2.	Xã An Tân	1	0	H'rê	74	0	Cán bộ hưu trí
3.	Xã An Trung	7	0	H'rê	68	0	Thành phần khác, thầy mo
4.	Xã An Hưng	5	0	H'rê	67	0	Cán bộ hưu trí, Đảng viên, Thành phần khác
5.	Xã An Dũng	4	0	H'rê	65	0	Đảng viên, thành phần khác
6.	Xã An Vinh	7	0	H'rê	49	0	Đảng viên, cán bộ hưu trí
7.	Xã An Quang	5	0	H'rê	62	0	Đảng viên
8.	Xã An Nghĩa	5	0	H'rê	52	0	Già làng
9.	Xã An Toàn	3	0	H'rê	70	0	Già làng
Tổng		40	0		66		

Nguồn: [12]

Kết quả phỏng vấn 118 hộ gia đình, cá nhân đồng bào DTTS H'rê huyện An Lão về vai trò của người có uy tín đối với đời sống cộng đồng đồng bào DTTS cho thấy: Người có uy tín hiện đang nhận được sự tín nhiệm rất cao từ cộng đồng dân tộc địa phương. Tất cả hộ gia đình, cá nhân tham gia khảo sát đều hoàn toàn đồng ý về vai trò quan trọng của đội ngũ người có uy tín trong đời sống cộng đồng ($Mean_{RO} = 4,81$) (Bảng 2). 100% phiếu khảo sát hoàn toàn đồng ý rằng người có uy tín trong cộng đồng có khả năng lôi cuốn, tập hợp đồng bào thông qua lời nói và việc làm, giá trị $Mean_{RO3} = 4,93$. Vai trò của già làng theo lời của các hộ dân hiện đang sinh sống tại thôn 2, xã An Dũng, huyện An Lão như sau: “Già làng chính là sứ giả của “Giàng”, giúp truyền tải ý đồ của thần linh cho dân làng được biết”. Để đạt được sự tín nhiệm từ cộng đồng dân tộc địa phương, già làng, trưởng thôn, thầy mo, thầy cúng... đã liên tục tìm hiểu những vướng mắc, tâm tư của đồng bào. Họ cũng được cho là có khả năng giải quyết các vướng mắc cho đồng bào với 100% hộ gia đình, cá nhân đồng bào H'rê tham gia khảo sát hoàn toàn đồng ý với nhận định này (giá trị $Mean_{RO4} = 4,89$, $Mean_{RO5} = 4,7$).

Người có uy tín trong cộng đồng là cầu nối của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể với đồng bào DTTS trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một trăm mười tám hộ tham gia khảo sát hoàn toàn đồng ý với quan điểm này, giá trị $Mean_{RO1} = 4,67$. Trong tiếp cận đất đai và thực hiện các quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS, người có uy tín trong cộng đồng đã phát huy vai trò cầu nối quan trọng. Người có uy tín đã giúp truyền đạt thông tin từ UBND xã về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giúp đồng bào DTTS thiếu đất ở và thiếu đất sản xuất

Bảng 2. Vai trò người có uy tín trong cộng đồng DTTS H'ré huyện An Lão, tỉnh Bình Định

Đơn vị: Thang đo liker 5 mức độ

Vai trò người có uy tín	Giá trị trung bình (Mean)
Người có uy tín trong cộng đồng là cầu nối của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể với đồng bào dân tộc thiểu số trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước (RO1)	4,67
Người có uy tín trong cộng đồng luôn nắm bắt được những khó khăn, nguyện vọng, kiến nghị của đồng bào dân tộc thiểu số về vấn đề quản lý, sử dụng đất đai (RO2)	4,93
Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng lôi cuốn, tập hợp đồng bào thông qua lời nói và việc làm (RO3)	4,87
Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng giải quyết các vướng mắc của đồng bào dân tộc thiểu số (RO4)	4,89
Người có uy tín trong cộng đồng liên tục tìm hiểu vướng mắc, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc sử dụng đất (RO5)	4,70
Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO)	4,81

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 26.0

tiếp cận được đất đai. Cụ thể, để xác định nhu cầu sử dụng đất trong lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện An Lão theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP, UBND các xã An Vinh, An Dũng, An Trung, An Hưng đều đã có thông báo về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến các hộ đồng bào DTTS H'ré. Theo đó, những hộ thiếu đất ở, thiếu đất sản xuất sẽ đăng ký nhu cầu tại UBND xã. Sau đó UBND xã sẽ tổng hợp và xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương gửi lên Phòng TNMT huyện An Lão. Phòng TNMT sẽ tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Theo đó, quỹ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS sẽ được xem xét. Tuy nhiên, theo cán bộ địa chính các xã An Vinh, An Dũng, An Trung, An Hưng, mặc dù những thông tin về đăng ký nhu cầu sử dụng đất đã được niêm yết, thông báo tại trụ sở UBND xã, thôn nhưng do đặc thù công việc làm nương rẫy, chỗ ở cách xa nơi sản xuất, đồng bào DTTS H'ré đi làm tối mới về hoặc có khi đi cả tuần mới về nên hầu hết họ đều không biết được thông tin về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất, hoặc không nắm được thời gian đăng ký, điều kiện đăng ký... Do vậy, chính những người có uy tín trong cộng đồng như già làng, trưởng thôn, trưởng khu phố, trưởng dòng họ phải đến tận nhà của từng hộ đồng bào vào buổi tối để truyền đạt và giúp cho đồng bào nắm được các thông tin từ chính quyền, từ đó hướng dẫn hộ thực hiện đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, 100% hộ gia đình, cá nhân đồng bào H'ré tham gia khảo sát hoàn toàn đồng ý rằng: Người có uy tín trong cộng đồng luôn nắm bắt được những khó khăn, nguyện vọng, kiến nghị của đồng bào DTTS về vấn đề quản lý, sử dụng đất đai, (giá trị Mean_{RO2} = 4,93). Người có uy tín phát huy vai trò hỗ trợ và thuyết phục đồng bào DTTS tại địa phương

tiếp cận đất đai thông qua sự đồng thuận nhận quyền sử dụng đất tái định cư, tạo điều kiện bàn giao mặt bằng cho các dự án. Dự án hồ chứa nước Đồng Mít là một ví dụ điển hình trong số rất nhiều dự án đã được triển khai trên địa bàn huyện An Lão. Dự án hồ Đồng Mít thu hồi hơn 1.300 ha đất và di dời toàn bộ 480 hộ đồng bào dân tộc H'rê với 1.735 nhân khẩu đang sinh sống tại xã An Dũng đến nơi ở mới tại hai khu tái định cư, phân bố ở xã An Trung và xã An Hưng, với tổng diện tích đất khoảng 80 ha [13]. Trong phần diện tích thu hồi để triển khai dự án, có khu “rừng thiêng”, “rừng ma” của đồng bào dân tộc H'rê, vì vậy các hộ dân thuộc diện thu hồi đất không chịu di dời. Theo già làng thôn 4, già làng thôn 6 và già làng thôn 7 xã An Vinh, huyện An Lão “Đối với đồng bào H'rê, khu rừng ma rất linh thiêng, là nơi chôn cất của đồng bào H'rê, không ai được phép chặt phá, kể cả nhỏ cỏ tại khu vực này cũng không được phép”. Tuy nhiên, dưới sự giải thích của già làng, bên cạnh sự thuyết phục của tổ công tác bồi thường, các hộ đồng bào DTTS đã nhường đất cho dự án, và đồng ý nhận quyền sử dụng đất tái định cư. Đồng thời, tại khu tái định cư mới vẫn đảm bảo có được quỹ đất rừng dành riêng cho khu vực chôn cất của đồng bào DTTS, có vai trò như “rừng thiêng”, “rừng ma” tại nơi ở cũ.

3.3 Đánh giá tác động của người có uy tín trong cộng đồng đến tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào dân tộc thiểu số H'rê tại huyện an lão, tỉnh Bình Định

Để kiểm định mô hình nghiên cứu về tác động của người có uy tín trong cộng đồng đến tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS H'rê tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định, chúng tôi đã sử dụng phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM bằng phần mềm Smart PLS 3. Mô hình kiểm định mức độ tác động gồm 3 nhân tố: Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO), tiếp cận đất đai (LA), thực hiện quyền sử dụng đất (LUR). Theo Hair và cs. [7], khi đánh giá mô hình đo lường dạng kết quả trên Smart PLS, cần thực hiện đánh độ tin cậy, tính hội tụ và tính phân biệt của các thang đo.

Đánh giá độ tin cậy thang đo

Độ tin cậy của thang đo được kiểm tra bằng ba tiêu chí gồm: Hệ số Cronbach's alpha; Độ tin cậy tổng hợp CR; Hệ số rhoA. Theo Hair và cs. [14]; Dijkstra và Henseler [15], giá trị của hệ số Cronbach's alpha, CR và rhoA nằm trong ngưỡng 0,7 đến 0,95 cho thấy sự phù hợp về độ tin cậy của các thang đo được sử dụng. Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo tiếp cận đất đai (LA), thực hiện quyền sử dụng đất (LUR), vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO) được trình bày ở Bảng 3.

Kết quả Bảng 3 cho thấy: Hệ số Cronbach's alpha của thang đo RO, LA, LUR lần lượt là 0,808; 0,870; 0,898, đảm bảo điều kiện lớn hơn 0,7 [14], điều này nói lên rằng 15 biến quan sát được sử dụng cho 3 thang đo RO, LA, LUR là rất tốt, các biến quan sát đã thể hiện được đặc điểm của nhân tố đại diện. Độ tin cậy tổng hợp CR của ba thang đo RO, LA, LUR lần lượt là 0,875; 0,904; 0,926, điều này có nghĩa là tính nhất quán nội bộ của các chỉ biến quan sát trong từng

Bảng 3. Kết quả đánh giá độ tin cậy thang đo

STT	Thang đo	Cronbach's Alpha	rhoA	Độ tin cậy tổng hợp CR
1.	Người có uy tín trong cộng đồng (RO)	0,808	0,839	0,875
2.	Tiếp cận đất đai (LA)	0,870	0,907	0,904
3.	Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR)	0,898	0,912	0,926

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm SmartPLS 3

thang đo đạt giá trị đảm bảo độ tin cậy theo đề xuất của Hair và cs. [14]. Hệ số rhoA của ba thang đo RO, LA, LUR dao động từ 0,839 đến 0,912, chứng tỏ ba thang đo được sử dụng trong mô hình nghiên cứu có độ tin cậy cao.

Đánh giá giá trị hội tụ thang đo

Theo Cooper và cs. (được trích dẫn bởi Nguyễn Minh Hà [16]), đối với mô hình đo lường kết quả, giá trị hội tụ đề cập tới mức độ tương quan giữa các biến quan sát mà các biến này đo lường cho cùng một khái niệm. Giá trị hội tụ trong nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích xác định mức độ tương quan thuận của 15 biến quan sát đối với biến tiềm ẩn RO, LA, LUR. Giá trị hội tụ thang đo được đánh giá thông qua việc kiểm tra hệ số tải, giá trị t-value của các biến quan sát và phương sai trích bình quân (AVE) (Bảng 4).

Hệ số tải nhân tố biểu thị cho mối tương quan giữa biến quan sát với nhân tố. Kết quả Bảng 4 cho thấy, các hệ số tải có giá trị từ 0,565 đến 0,924, như vậy hệ số tải của 15 biến quan sát đều cao hơn ngưỡng tối thiểu đề xuất là 0,5 [17]. Kết quả nghiên cứu khẳng định về sự tồn tại mối tương quan giữa năm biến quan sát với nhân tố RO, bốn biến quan sát với nhân tố LA, và sáu biến quan sát đối với nhân tố LUR. Độ lớn của giá trị t-value thể hiện mức ý nghĩa thống kê của từng đường dẫn trong mô hình cấu trúc.

Kết quả Bảng 4 cũng cho thấy, giá trị t-test của các biến quan sát dao động từ 6,551 đến 38,918 thỏa mãn điều kiện lớn hơn ngưỡng 2,57 để có ý nghĩa thống kê 1%. Điều này nói lên rằng hệ số đường dẫn của từng biến quan sát đến biến tiềm ẩn rất có ý nghĩa. Giá trị hội tụ của thang đo còn được đánh giá dựa vào giá trị phương sai trích bình quân (AVE). Giá trị AVE dao động từ 0,615 đến 0,715, như vậy biến tiềm ẩn RO, LA, LUR đã giải thích từ 61,5% đến 71,5% phương sai các biến quan sát của nó, đảm bảo lớn hơn giá trị 0,5 theo đề xuất của Hair và cs. [18].

Từ kết quả phân tích hệ số tải, giá trị t-value, AVE có thể kết luận thang đo các biến nghiên cứu trong mô hình có đầy đủ giá trị hội tụ. Năm biến quan sát cho biến tiềm ẩn RO, bốn biến quan sát cho biến tiềm ẩn LA, và sáu biến quan sát đối cho biến tiềm ẩn LUR đảm bảo sự tương quan thuận và mức độ tương quan thuận là rất mạnh.

Bảng 4. Kết quả đánh giá giá trị hội tụ

Thang đo	Biến quan sát	Hệ số tải	t-value	AVE
RO	Người có uy tín trong cộng đồng là cầu nối của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể với đồng bào dân tộc thiểu số trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước (RO1)	0,895	33,043	0,715
	Người có uy tín trong cộng đồng luôn nắm bắt được những khó khăn, nguyện vọng, kiến nghị của đồng bào dân tộc thiểu số về vấn đề quản lý, sử dụng đất đai (RO2)	0,924	27,668	
	Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng lôi cuốn, tập hợp đồng bào thông qua lời nói và việc làm (RO3)	0,792	10,808	
	Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng giải quyết các vướng mắc của đồng bào dân tộc thiểu số (RO4)	0,733	8,386	
	Người có uy tín trong cộng đồng liên tục tìm hiểu vướng mắc, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc sử dụng đất (RO5)	0,868	23,154	
LA	Mức độ thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng trong lĩnh vực đất đai tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận đất đai được tốt hơn (LA1)	0,815	14,291	0,640
	Các mối quan hệ xã hội, bạn bè, người thân giúp đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận được đất đai hiệu quả hơn (LA2)	0,652	7,448	
	Giá đất cao làm hạn chế khả năng tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số (LA3)	0,809	14,422	
	Vị trí xã hội của bản thân giúp nâng cao khả năng tiếp cận các thông tin đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số (LA4)	0,904	38,918	
LUR	Thực hiện quyền thuê đất giúp mở rộng quy mô sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR1)	0,798	12,045	0,615
	Thực hiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xem là phương thức quan trọng để mở rộng quỹ đất canh tác của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR2)	0,815	23,085	
	Quyền thừa kế đất đai chịu tác động bởi chế độ mẫu hệ, chế độ phụ hệ (LUR3)	0,565	6,551	
	Quyền tặng cho chịu tác động bởi chế độ mẫu hệ, chế độ phụ hệ (LUR4)	0,891	30,327	
	Văn hóa cộng đồng ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền sử dụng đất của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR5)	0,851	37,347	
	Thực hiện quyền về đất đai yếu kém có thể làm suy giảm sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR6)	0,742	8,336	

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm SmartPLS 3

Đánh giá giá trị phân biệt thang đo

Dẫn theo Cooper và cs. (được trích dẫn bởi Nguyễn Minh Hà, [16]), giá trị phân biệt liên quan tới mức độ không tương quan giữa một tập chỉ báo dùng để đo lường cho khái niệm này đối với một tập chỉ báo dùng để có lường cho khái niệm khác. Trong nghiên cứu này, chúng tôi

thực hiện đánh giá giá trị phân biệt thang đo để khẳng định rằng có sự khác biệt của từng biến quan sát đo lường cho ba nhân tố gồm vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO), tiếp cận đất đai (LA) và thực hiện quyền sử dụng đất (LUR). Vì nghiên cứu ứng dụng PLS-SEM, nên giá trị phân biệt của thang đo được kiểm tra bằng ba tiêu chí gồm: hệ số Heterotrait-Monotrait Ratio (HTMT), tiêu chí Fornell-Larcker, hệ số tải chéo (Cross Loadings). Đánh giá giá trị phân biệt thang đo bằng tiêu chí HTMT được thể hiện tại Bảng 5.

Điều kiện đặt ra để thang đo có giá trị phân biệt là hệ số HTMT phải nhỏ hơn ngưỡng giá trị 1 [19]. Kết quả Bảng 5 cho thấy, hệ số HTMT dao động từ 0,710 đến 0,919, nhỏ hơn ngưỡng 1, vì vậy có thể kết luận thang đo có giá trị phân biệt.

Đối với tiêu chí Fornell-Larcker, chúng tôi tiến hành so sánh căn bậc hai của giá trị AVE trong từng cấu trúc, đảm bảo lớn hơn hệ số tương quan của nó với các cấu trúc khác (chi tiết tại Bảng 6). Kết quả Bảng 6 cho thấy, tất cả các hệ số tương quan giữa các biến (số ở phía dưới đường chéo), nằm trong khoảng từ 0,600 đến 0,795, đều nhỏ hơn số nằm trên đường chéo, điều này chứng tỏ thang đo có giá trị phân biệt.

Khi kiểm định giá trị phân biệt thang đo bằng hệ số tải chéo Cross Loadings (Bảng 7), giá trị phân biệt của thang đo được tạo ra khi hệ số tải của biến quan sát thuộc cấu trúc của nó lớn hơn tất cả hệ số tải chéo của nó lên các cấu trúc khác [14]. Điều này có nghĩa là, hệ số tải ngoài của bất kỳ biến quan sát nào trong nhân tố mẹ cũng cần lớn hơn toàn bộ hệ số tải chéo của biến quan sát đó so với các nhân tố khác trong mô hình.

Bảng 5. Đánh giá giá trị phân biệt thang đo bằng tiêu chí Heterotrait-Monotrait Ratio

	Tiếp cận đất đai (LA)	Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR)	Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO)
Tiếp cận đất đai (LA)			
Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR)	0,710		
Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO)	0,919	0,725	

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng phần mềm Smart PLS 3

Bảng 6. Đánh giá giá trị phân biệt thang đo bằng tiêu chí Fornell-Larcker Criterion

	Tiếp cận đất đai (LA)	Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR)	Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO)
Tiếp cận đất đai (LA)	0,800		
Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR)	0,600	0,784	
Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO)	0,795	0,667	0,845

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng phần mềm Smart PLS 3

Bảng 7. Đánh giá giá trị phân biệt thang đo bằng tiêu chí Cross Loadings

	Tiếp cận đất đai (LA)	Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR)	Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO)
Mức độ thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng trong lĩnh vực đất đai tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận đất đai được tốt hơn (LA1)	0,815	0,429	0,594
Các mối quan hệ xã hội, bạn bè, người thân giúp đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận được đất đai hiệu quả hơn (LA2)	0,652	0,490	0,536
Giá đất cao làm hạn chế khả năng tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số (LA3)	0,809	0,454	0,583
Vị trí xã hội của bản thân giúp nâng cao khả năng tiếp cận các thông tin đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số (LA4)	0,904	0,545	0,793
Thực hiện quyền thuê đất giúp mở rộng quy mô sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR1)	0,348	0,798	0,437
Thực hiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xem là phương thức quan trọng để mở rộng quỹ đất canh tác của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR2)	0,402	0,815	0,436
Quyền thừa kế đất đai chịu tác động bởi chế độ mẫu hệ, chế độ phụ hệ (LUR3)	0,478	0,565	0,406
Quyền tặng cho chịu tác động bởi chế độ mẫu hệ, chế độ phụ hệ (LUR4)	0,532	0,891	0,632
Văn hóa cộng đồng ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền sử dụng đất của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR5)	0,569	0,851	0,696
Thực hiện quyền về đất đai yếu kém có thể làm suy giảm sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số (LUR6)	0,448	0,742	0,409
Người có uy tín trong cộng đồng là cầu nối của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể với đồng bào dân tộc thiểu số trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước (RO1)	0,680	0,623	0,895
Người có uy tín trong cộng đồng luôn nắm bắt được những khó khăn, nguyện vọng, kiến nghị của đồng bào dân tộc thiểu số về vấn đề quản lý, sử dụng đất đai (RO2)	0,815	0,632	0,924
Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng lôi cuốn, tập hợp đồng bào thông qua lời nói và việc làm (RO3)	0,597	0,448	0,792
Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng giải quyết các vướng mắc của đồng bào dân tộc thiểu số (RO4)	0,616	0,484	0,733

	Tiếp cận đất đai (LA)	Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR)	Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO)
Người có uy tín trong cộng đồng liên tục tìm hiểu vướng mắc, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc sử dụng đất (RO5)	0,627	0,609	0,868

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng phần mềm Smart PLS 3

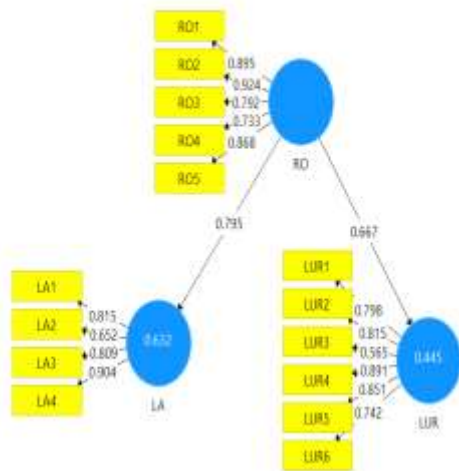
Biến quan sát LA1 có hệ số tải ngoài là 0,815, và các hệ số tải chéo là 0,429; 0,594 (Bảng 7). Điều này có nghĩa là hệ số tải ngoài của biến quan sát LA1 lớn hơn toàn bộ hệ số tải chéo của biến quan sát LA1 so với các nhân tố LUR và RO. Đối với 14 biến quan sát còn lại, tương tự như biến quan sát LA1, nhận thấy tất cả các hệ số tải của các biến quan sát nằm trong cấu trúc của nó cao hơn hệ số tải chéo của nó với các cấu trúc khác, điều này đã khẳng định rằng ba thang đo Tiếp cận đất đai (LA), Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR), Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO) có giá trị phân biệt.

Như vậy, kết quả đánh giá giá trị phân biệt của thang đo bằng ba tiêu chí gồm HTMT, Fornell-Larcker, hệ số tải chéo đã khẳng định có sự khác biệt về ý nghĩa giữa năm biến quan sát đo lường cho thang đo RO, bốn biến quan sát đo lường cho thang đo LA và sáu biến quan sát đo lường cho thang đo LUR.

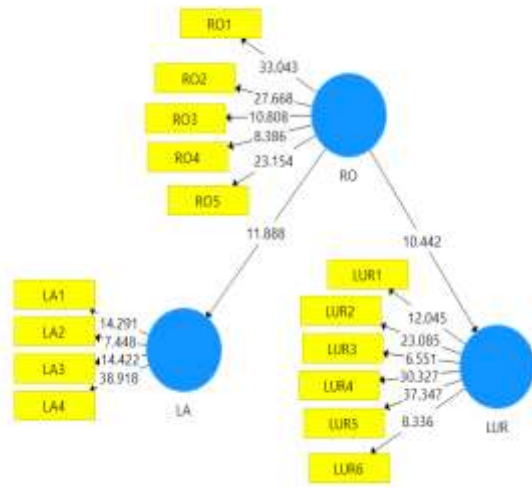
Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Kết quả chạy đánh giá mô hình nghiên cứu bằng phần mềm Smart PLS 3 được trình bày tại Hình 3 và Hình 4.

Kết quả kiểm định giả thuyết đã cho thấy tồn tại sự tác động của Vai trò người có uy tín trong cộng đồng (RO) đến Tiếp cận đất đai (LA) và Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR). Cụ thể: Giả thuyết H₁ đề xuất rằng vai trò của người có uy tín trong cộng đồng (RO) có tác động dương đến tiếp cận đất đai (LA). Kết quả phân tích cho thấy giả thuyết này được chấp nhận rất cao vì hệ số β cho đường dẫn từ vai trò của người có uy tín trong cộng đồng (RO) đến tiếp cận đất đai (LA) là 0,795 (Hình 3). Các hệ số đường dẫn ước lượng gần bằng +1 biểu thị các mối quan hệ cùng chiều dương rất mạnh. Đồng thời, mối quan hệ này còn được khẳng định cao với mức ý nghĩa thông kê 1%, giá trị $t = 11,888$ (Hình 4). Giả thuyết H₂ đề xuất rằng Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng (RO) có tác động dương đến việc Thực hiện quyền sử dụng đất (LUR). Kết quả phân tích tại Hình 3 và Hình 4 cho thấy mối quan hệ này đều được chấp nhận cao với giá trị hệ số đường dẫn (β) = 0,667 và mức ý nghĩa thống kê 1% (giá trị t -value = 10,442). Như vậy, kết quả kiểm định hai giả thuyết H₁ và H₂ của mô hình nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ rất mạnh về ảnh hưởng của người có uy tín trong cộng đồng đến việc tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS. Kết quả nghiên cứu khẳng định người có uy tín có tác động rất lớn đối với cộng đồng DTTS, vai trò của người có uy tín được thể hiện ở mọi mặt của đời sống xã



Hình 3. Kết quả kiểm định giả thuyết (Kết quả khi chạy PLS)



Hình 4. Kết quả kiểm định giả thuyết (Chạy Bootstrap 5000 lần)

hội, từ cấp độ cá nhân, gia đình cho đến cộng đồng. Đội ngũ người có uy tín tạo điều kiện cho đồng bào DTTS tiếp cận được đất đai, đồng thời là cầu nối trong việc truyền đạt kiến thức từ chính quyền địa phương đến cộng đồng dân tộc, kết quả này cũng đã được khẳng định bởi nghiên cứu của Lê Thị Hiếu [20], và Nguyễn Thị Vân Lam [21].

4 Kết luận

Việc tiếp cận đất đai và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào dân tộc Hrê, huyện An Lão, tỉnh Bình Định chịu sự ảnh hưởng bởi vai trò người có uy tín trong cộng đồng. Tuy nhiên, người có uy tín trong cộng đồng tại huyện An Lão chủ yếu là thầy mo, thầy cúng, cán bộ hưu trí, già làng. Đội ngũ người có uy tín có độ tuổi trung bình cao (trên 66 tuổi), 100% người có uy tín chưa được tham gia đào tạo văn hóa chuyên môn. Dù chưa trải qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nhưng người có uy tín nhận được rất nhiều sự tín nhiệm từ cộng đồng dân tộc địa phương ($Mean_{RO} = 4,81$).

Kết quả kiểm định hai giả thuyết nghiên cứu đạt được mức ý nghĩa thống kê 1% là luận cứ khoa học cho việc khẳng định người có uy tín trong cộng đồng có tác động rất mạnh đến việc tiếp cận được đất đai, và thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS. Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo hữu ích cho chính quyền địa phương tiếp tục đưa ra những chương trình, chính sách nhằm phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai, đặc biệt là công tác tiếp cận đất đai, thực hiện

quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS trên địa bàn huyện An Lão, tỉnh Bình Định trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012*.
2. UBND tỉnh Bình Định (2021), *Báo cáo 50/BC-UBND tỉnh Bình Định về kết quả xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định*.
3. Slovin, M. B., & Sushka, M. E. (1984), A note on the evidence on alternative models of the banking firm: A cross section study of commercial loan rates, *Journal of Banking & Finance*, 8(1), 99–108.
4. Hoyle, R. H. (1995), *Structural equation modeling: Concepts, issues, and applications*, Sage Publications.
5. Likert, R. (1932), A technique for the measurement of attitudes, *Archives of psychology*.
6. Đoàn Thị Thu Hương (2017), *Phát triển nguồn nhân lực trong các trường Đại học, Cao đẳng ngoài công lập Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 6–7.
7. Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2017), *A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)*, SAGE Publications.
8. Ramayah, T., Cheah, J., Chuah, F., Ting, H., & Memon, M. A. (2018), Partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM) using smartPLS 3.0, *An updated guide and practical guide to statistical analysis (2nded)*, Kuala Lumpur, Malaysia: Pearson.
9. UBND huyện An Lão (2022), *Kết quả thực hiện công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện từ năm 2019–2021*.
10. UBND huyện An Lão (2020), *Báo cáo tình hình thiếu đất ở và đất sản xuất của hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện An Lão*.
11. Phòng Tài nguyên Môi trường huyện An Lão (2020), *Báo cáo Kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất sản xuất trên địa bàn huyện cho đồng bào dân tộc thiểu số*.
12. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định (2022), *Quyết định về việc phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023–2027 theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*.
13. UBND huyện An Lão (2020), *Đảng bộ huyện An Lão: thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số sống trong vùng Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít*. Website:

<https://anlao.binhdingh.gov.vn/vi/news/xay-dung-dang-doan-the/dang-bo-huyen-an-lao-thuc-hien-tot-cong-tac-tuyen-truyen-van-dong-dong-bao-dan-toc-thieu-so-song-trong-vung-du-an-ho-chua-nuoc-dong-mit-1231.html>, truy cập ngày 12/3/2023.

14. Hair Jr, J. F., & Hult, G. T. M., Ringle, C. M., Sarstedt M. (2017a), *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)* The United States of America: Sage publications.
15. Dijkstra, T. K., & Henseler, J. (2015), Consistent partial least squares path modeling, *MIS quarterly*, 39(2), 297–316.
16. Nguyễn Minh Hà, Vũ Hữu Thành (2021), *Giáo trình phân tích dữ liệu: Áp dụng mô hình PLS-SEM*, NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
17. Hulland, J. S. (1999), The effects of country-of-brand and brand name on product evaluation and consideration: A cross-country comparison, *Journal of International Consumer Marketing*, 11(1), 23–40.
18. Hair Jr, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2021), *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)*, Sage publications.
19. Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015), A new criterion for assessing discriminant validity in variance-based structural equation modeling, *Journal of the academy of marketing science*, 43, 115–135.
20. Lê Thị Hiếu (2022), Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo tinh thần đại hội lần thứ XII của đảng, *Tạp chí Khoa học chính trị*, 4.
21. Nguyễn Thị Vân Lam (2020), Vai trò của người có uy tín vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên (qua kết quả thực tế của tỉnh Đắk Lắk), *Tạp chí nghiên cứu dân tộc*, 9(3), 143–147.